Hiệp định

giữa

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

và

Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức

về hợp tác tài chính

năm 2003

Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

và

Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức,

Trên tinh thần những mối quan hệ hữu nghị sẵn có giữa hai nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Liên bang Đức,

với mong muốn củng cố và tăng cường những mối quan hệ hữu nghị thông qua chương trình hợp tác tài chính giữa hai nước,

với nhận thức rằng việc duy trì những mối quan hệ đó là cơ sở cho Hiệp định này,

với mong muốn đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

theo Biên bản ghi nhớ kỳ họp đàm phán Chính phủ ngày 18 và 19 tháng 11 năm 2003,

đã thoả thuận như sau:

Điều 1

(1) Chính phủ nước Cộng hoà Liên bang Đức sẽ tạo điều kiện để Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhận từ Ngân hàng Tái thiết Đức (cơ quan tín dụng phát triển) - KfW, Frankfurt/Main, các khoản tiền dưới đây:

1. Các khoản vay trị giá 14.900.000 EUR (mười bốn triệu chín trăm nghìn EUR) cho các Dự án:

(a) Chương trình Y tế kế hoạch hoá gia đình giai đoạn IV tối đa 1.500.000 EUR (một triệu năm trăm nghìn EUR),

(b) Xử lý nước thải Trà Vinh (Chương trình phía Nam) tối đa 5.500.000 EUR (năm triệu năm trăm nghìn EUR),

(c) Trồng rừng VII tối đa 7.900.000 EUR (bảy triệu chín trăm nghìn EUR),

nếu sau khi thẩm định, dự án được đánh giá là hợp thức để thực thi.

2. Các khoản viện trợ trị giá 10.600.000 EUR (mười triệu sáu trăm nghìn EUR) cho các Dự án:

(a) Chương trình Y tế kế hoạch hoá gia đình giai đoạn IV tối đa 8.500.000 EUR (tám triệu năm trăm nghìn EUR),

(b) Trồng rừng VII tối đa 2.100.000 EUR (hai triệu một trăm nghìn EUR)

nếu sau khi thẩm định, dự án được đánh giá là hợp thức để thực thi và được xác nhận là những dự án có tính chất bảo vệ môi trường/ cơ sở hạ tầng xã hội, quĩ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, là chương trình tự cứu chống đói nghèo hoặc chương trình nhằm cải thiện vai trò phụ nữ nếu những dự án này đáp ứng các yêu cầu đặc biệt để thực thi theo hình thức được viện trợ.

(2) Các dự án nêu ở Đoạn (1) ở trên có thể được thay thế bằng các dự án khác nếu Chính phủ Cộng hoà Liên Bang Đức và Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đồng ý. Trong trường hợp dự án nêu ở đoạn (1) 2 ở trên được thay thế bằng một dự án có tính chất bảo vệ môi trường/ cơ sở hạ tầng xã hội, quĩ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chương trình tự cứu chống đói nghèo hoặc chương trình nhằm cải thiện vai trò phụ nữ nếu những dự án này đáp ứng các yêu cầu đặc biệt để thực thi theo hình thức được viện trợ thì dự án sẽ được tài trợ bằng nguồn vốn viện trợ. Ngược lại, dự án sẽ được tài trợ bằng nguồn vốn vay.

(3) Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng nếu trong một ngày nào đó trong tương lai, Chính phủ Cộng hoà Liên Bang Đức tạo điều kiện để Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhận từ Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW), Frankfurt/Main các khoản vay hoặc đóng góp tài chính cho việc chuẩn bị các dự án nêu ở đoạn (1) trên đây hoặc đóng góp tài chính cho các biện pháp cần thiết để thực hiện và hỗ trợ các dự án nêu ở đoạn (1) này.

Điều 2

(1) Việc sử dụng khoản tiền nêu tại Điều 1 của Hiệp định này và các điều điều kiện để được sử dụng chúng cũng như qui trình xét duyệt hợp đồng sẽ được điều chỉnh bởi các điều khoản của các hiệp định sẽ ký kết giữa người nhận vay và Ngân hàng Tái thiết Đức. Các điều khoản này sẽ phù hợp với luật và qui định áp dụng tại Cộng hoà Liên Bang Đức.

(2) Cam kết cho việc giành các khoản tiền nêu ở Điều 1 (1) 1 và 2 sẽ không có hiệu lực nếu các hiệp định vay vốn/ tài trợ tương ứng không được ký kết trong vòng 8 năm kể từ năm đưa ra cam kết này. Hạn cuối cùng cho các khoản tiền này là 31/12/2011.

(3) Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu không phải là Người vay thì sẽ bảo đảm việc thực hiện đầy đủ bất tất cả các vụ hoàn trả bằng EURO cho Người vay có thể phát sinh theo các Hiệp định ký kết theo đoạn (1) ở trên cho Ngân hàng Tái thiết Đức.

Điều 3

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ miễn trừ cho Ngân hàng Tái thiết Đức tất cả các khoản thuế và phí công cộng khác ở Việt Nam liên quan đến việc ký kết và thực hiện các hiệp định nêu tại Điều 2 của Hiệp định này.

Điều 4

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cho phép những người sử dụng và nhà cung cấp tự chọn cơ quan vận tải bằng đường biển hoặc đường không đối với con người và hàng hoá hình thành từ việc cho vay viện trợ và đóng góp tài chính, không thực hiện các biện pháp gây khó khăn hoặc loại trừ việc tham gia bình đẳng của các doanh nghiệp vận tải có trụ sở ở Cộng hoà Liên Bang Đức và nếu cần, ra quyết định cần thiết để các doanh nghiệp vận tải này được tham gia.

Điều 5

(1) Các khoản tiền dưới từ những khoản vay dưới đây sẽ được phân bổ lại, chuyển thành các khoản viện trợ và bổ sung vào Quĩ Khảo sát Chuyên gia:

1. Khoản tiền 920,49 EUR (chín trăm hai mươi EUR, bốn mươi chín xent) từ khoản vay 20.000.000 DM (hai mươi triệu Mark Đức; tương đương 10.225.837,62 EUR, tức là mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi bảy EUR, sáu mươi hai xent) cam kết tại Hiệp định ngày 28 tháng 6 năm 1996 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ CHLB Đức liên quan đến Viện trợ vốn;

2. Khoản tiền 33.502,59 EUR (ba mươi ba nghìn năm trăm linh hai EUR và năm mươi chín xent) từ các khoản vay 40.000.000 DM (bốn mươi triệu Marrk Đức; tương đương 20.451.675,25 EUR, tức là hai mươi triệu bốn

trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi lăm EUR và hai mươi lăm xent) cam kết tại Hiệp định ngày 5 tháng 9 năm 1974 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ CHLB Đức liên quan đến Viện trợ vốn;

3. Khoản tiền 7,23 EUR (bảy EUR và hai mươi ba xent) từ khoản vay 7.500.000 DM (bảy triệu năm trăm nghìn Mark Đức; tương đương 3.834.689,11 EUR, tức là ba triệu tám trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm tám mươi chín EUR và mười một xent) cam kết cho Dự án Cao Su Buôn Mê Thuột tại Hiệp định ngày 14 tháng 10 năm 1993 giữa hai Chính phủ về hợp tác tài chính năm 1992;

4. Khoản tiền 82,11EUR (tám mươi hai EUR và mười một xent) từ khoản vay 18.100.000 DM (mười tám triệu một trăm ngàn Mark Đức; tương đương với 9.254.383,05 EUR, tức chín triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba EUR và năm xent) cam kết cho Dự án Sửa chữa 15 đầu máy xe lửa tại Hiệp định ngày 28 tháng 1 năm 1995 giữa hai Chính phủ về hợp tác tài chính năm 1993;

5. Khoản tiền 1.783.000EUR (một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn EUR) từ khoản vay 12.149.000 EUR (mười hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn EUR) cam kết cho Dự án Chương trình nước miền Trung tại Hiệp định ngày 15 tháng 5 năm 2003 giữa hai Chính phủ về hợp tác tài chính năm 2002.

(2) Các khoản tiền từ những khoản vay dưới đây sẽ được phân bổ lại cho Dự án Hiện đại hoá Trung tâm điều hành giao thông đường sắt Việt Nam dưới hình thức vốn vay, nếu nếu sau khi thẩm định, dự án được đánh giá là hợp thức để thực thi.

1. Khoản tiền 2.556.459,41EUR (hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chính EUR và bốn mươi mốt xent) từ các khoản vay 40.000.000 DM (bốn mươi triệu Marrk Đức; tương đương 20.451.675,25 EUR, tức là hai mươi triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi lăm EUR và hai mươi lăm xent) cam kết tại Hiệp định ngày 5 tháng 9 năm 1974 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ CHLB Đức liên quan đến Viện trợ vốn;

2. Khoản tiền 2.556.459,41 EUR (hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chính EUR và bốn mươi mốt xent) từ khoản vay 10.000.000 DM (mười triệu Mark Đức; tương đương 5.112.918,81 EUR,

tức là năm triệu một trăm mười hai nghìn chín trăm mười tám EUR và tám mươi mốt xent) cam kết cho Dự án Tín dụng khu công nghiệp/ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hiệp định ngày 16/10/1998 giữa hai Chính phủ về hợp tác tài chính năm 1998.

3. Khoản tiền 5.112.918,81 EUR, tức là năm triệu một trăm mười hai nghìn chín trăm mười tám EUR và tám mươi mốt xent) từ khoản vay 10.000.000 DM (mười triệu Mark Đức; tương đương 5.112.918,81 EUR, tức là năm triệu một trăm mười hai nghìn chín trăm mười tám EUR và tám mươi mốt xent) cam kết cho Dự án Tín dụng khu công nghiệp/ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hiệp định ngày 6 tháng 10 năm 2000 giữa hai Chính phủ về hợp tác tài chính năm 1999, Phần II (Tín dụng khu công nghiệp/ Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Chương trình ngành Y tế – vay, Chương trình ngành Y tế – viện trợ, Trồng rừng V).

Điều 6

Hiệp định này có hiệu lực từ ngày ký

Làm tại Hà Nội, ngày 09/10/2004

thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Đức và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa văn bản tiếng Việt và văn bản tiếng Đức, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở giải thích.

Thay mặt Chính phủ **nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**	**Thay mặt Chính phủ** **nước Cộng hòa Liên bang Đức**
Nguyễn Sinh Hùng Bộ trưởng Bộ Tài Chính	Christian - Ludwig Weber - Lottsch Đại sứ nước Cộng hòa Liên bang Đức tại Việt Nam

Agreement

between

the Government of the Federal Republic of Germany

and

the Government of the Socialist Republic of Viet Nam

concerning Financial Cooperation

in 2003

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam
and
the Government of the Federal Republic of Germany,

in the spirit of the friendly relations existing between the Socialist Republic of Viet Nam and the Federal Republic of Germany,

desiring to strengthen and intensify those friendly relations through financial cooperation in a spirit of partnership,

aware that the maintenance of those relations constitutes the basis of this Agreement,

intending to contribute to social and economic development in the Socialist Republic of Viet Nam,

referring to the intergovernmental negotiations held on 18 and 19 November 2003,

have agreed as follows:

Article 1

(1) The Government of the Federal Republic of Germany shall enable the Government of the Socialist Republic of Viet Nam to obtain from the Kreditanstalt für Wiederaufbau (Reconstruction Loan Corporation), Frankfurt/Main, the following amounts:

1. Loans totalling up to EUR 14,900,000 (fourteen million nine hundred thousand euro) for the projects:

   (a) Sector-Related Programme Health and Family Planning IV up to EUR 1,500,000 (one million five hundred thousand euro),

   (b) Waste Water Tra Vinh (Programme South) up to EUR 5,500,000 (five million five hundred thousand euro),

(c) Afforestation VII up to EUR 7,900,000 (seven million nine hundred thousand euro),

if on examination they have been found eligible for promotion;

2. financial contributions totalling up to EUR 10,600,000 (ten million six hundred thousand euro) for the projects:

(a) Sector-Related Programme Health and Family Planning IV up to EUR 8,500,000 (eight million five hundred thousand euro),

(b) Afforestation VII up to EUR 2,100,000 (two million one hundred thousand euro),

if on examination they have been found eligible for promotion and confirmation has been obtained that as environmental protection/social infrastructure projects, a credit guarantee fund for small and medium-sized enterprises, a self-help anti-poverty scheme or a scheme to improve the status of women they meet the special requirements for promotion in the form of a financial contribution.

(2) The projects specified in paragraph (1) above may be replaced by other projects provided the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Socialist Republic of Viet Nam so agree. In the event that a project specified in paragraph (1) 2 above is replaced by an environmental protection/social infrastructure project, a credit guarantee fund for small and medium-sized enterprises, a scheme to improve the status of women or a self-help anti-poverty scheme meeting the special requirements for promotion in the form of a financial contribution, a financial contribution, otherwise a loan, can be granted.

(3) This Agreement shall also apply if, at a later date, the Government of the Federal Republic of Germany enables the Government of the Socialist Republic of Viet Nam to obtain from the Kreditanstalt für Wiederaufbau loans or financial contributions for the preparation of the projects specified in paragraph (1) above or financial contributions for attendant measures necessary to implement and support the projects specified in paragraph (1) above.

Article 2

(1) The utilization of the amounts specified in Article 1 of this Agreement and the terms and conditions on which they are made available, as well as the procedure for awarding contracts, shall be governed by agreements to be concluded between the recipients of the loans and the Kreditanstalt für Wiederaufbau, which shall be subject to the laws and regulations applicable in the Federal Republic of Germany.

(2) The commitment to grant the amounts specified in Article 1 (1) 1 and 2 shall lapse if the relevant loan /financing agreements are not concluded within a period of 8 years after the year in which the commitment was made. For the specified amounts the deadline shall be 31 December 2011.

(3) The Government of the Socialist Republic of Viet Nam, where it is not itself the borrower, shall guarantee to the Kreditanstalt für Wiederaufbau all payments in euro to be made in fulfilment of the borrowers' liabilities under the agreements to be concluded pursuant to paragraph (1) above.

Article 3

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall exempt the Kreditanstalt für Wiederaufbau from all taxes and other public charges levied in the Socialist Republic of Viet Nam in connection with the conclusion and implementation of the agreements referred to in Article 2 above.

Article 4

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam shall allow passengers and suppliers free choice of transport enterprises for such transportation by sea or air of persons and goods as results from the granting of the loans and financial contributions, abstain from taking any measures that might exclude or impair the participation on equal terms of transport enterprises having their place of business in the Federal Republic of Germany and grant any necessary permits for the participation of such enterprises.

Article 5

(1) The following amounts from the following loans shall be reprogrammed and used additionally as financial contributions for the project Study and Expert Fund:

1. The amount of EUR 920.49 (nine hundred and twenty euro and forty-nine cent) from the loans totalling DM 20,000,000 (twenty million Deutsche Mark; equivalent to EUR 10,225,837.62, i.e. ten million two hundred and twenty-five thousand eight hundred and thirty-seven euro and sixty-two cent) envisaged in the Agreement of 28 June 1966 between the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Republic of Viet Nam concerning Capital Aid;

2. the amount of EUR 33,502.59 (thirty-three thousand five hundred and two euro and fifty-nine cent) from the loans totalling DM 40,000,000 (forty million Deutsche Mark; equivalent to EUR 20,451,675.25, i.e. twenty million four hundred and fifty-one thousand six hundred and seventy-five euro and twenty-five cent) envisaged in the Agreement of 5 September 1974 between the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Republic of Viet Nam concerning Capital Aid;

3. the amount of EUR 7.23 (seven euro and twenty-three cent) from the loan totalling DM 7,500,000 (seven million five hundred thousand Deutsche Mark; equivalent to EUR 3,834,689.11, i.e. three million eight hundred and thirty-four thousand six hundred and eighty-nine euro and eleven cent) envisaged for the project Rubber Project Buon Ma Thuot in the Agreement of 14 October 1993 between our two Governments concerning Financial Cooperation in 1992;

4. the amount of EUR 82.11 (eighty-two euro and eleven cent) from the loan totalling DM 18,100,000 (eighteen million one hundred thousand Deutsche Mark; equivalent to EUR 9,254,383.05, i.e. nine million two hundred and fifty-four thousand three hundred and eighty-three euro and five cent) envisaged for the project Rehabilitation of 15 Main Line Locomotives in the Agreement of 28 January 1995 between our two Governments concerning Financial Cooperation in 1993;

5. the amount of EUR 1,783,000 (one million seven hundred and eighty-three thousand euro) from the loan totalling EUR 12,149,000 (twelve million one hundred and forty-nine euro) envisaged for the project Water and Waste Water Centre in the Agreement of 15 May 2003 between our two Governments concerning Financial Cooperation in 2002.

(2) The following amounts from the following loans shall be reprogrammed and used additionally as loans for the project Modernization of Viet Nam Railways Traffic Control Centre, if on examination it has been found eligible for promotion:

1. The amount of EUR 2,556,459.41 (two million five hundred and fifty-six thousand four hundred and fifty-nine euro and forty-one cent) from the loans totalling DM 40,000,000 (forty million Deutsche Mark; equivalent to EUR 20,451,675.25, i.e. twenty million four hundred and fifty-one thousand six hundred and seventy-five euro and twenty-five cent) envisaged in the Agreement of 5 September 1974 between the Government of the Federal Republic of Germany and the Government of the Republic of Viet Nam concerning Capital Aid;

2. the amount of EUR 2,556,459.41 (two million five hundred and fifty-six thousand four hundred and fifty-nine euro and forty-one cent) from the loan totalling DM 10,000,000 (ten million Deutsche Mark; equivalent to EUR 5,112,918.81, i.e. five million one hundred and twelve thousand nine hundred and eighteen euro and eighty-one cent) envisaged for the project Credit Programme Industrial Parks/Promotion of Small and Medium-Sized Enterprises in the Agreement of 16 October 1998 between our two Governments concerning Financial Cooperation in 1998;

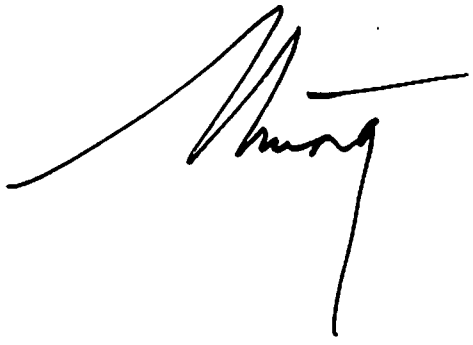
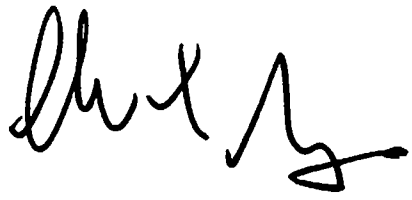
3. the amount of EUR 5,112,918.81 (five million one hundred and twelve thousand nine hundred and eighteen euro and eighty-one cent) from the loan totalling DM 10,000,000 (ten million Deutsche Mark; equivalent to EUR 5,112,918.81, i.e. five million one hundred and twelve thousand nine hundred and eighteen euro and eighty-one cent) envisaged for the project Credit Programme Industrial Parks/Promotion of Small and Medium-Sized Enterprises in the Agreement of 6 October 2000 between our two Governments concerning Financial Cooperation in 1999, Part II (Credit Programme Industrial Parks/Promotion of Small and Medium-

Sized Enterprises, Sector Programme Health - loan, Sector Programme Health - financial contribution, Afforestation V).

Article 6

This Agreement shall enter into force on the date of signature thereof.

DONE at Hanoi on October 2004 in duplicate in the Vietnamese, German and English languages, all three texts being authentic. In case of divergent interpretations of the German and Vietnamese texts, the English text shall prevail.

For the Government of the Socialist Republic of Viet Nam	**For the Government of the Federal Republic of Germany**
	

BỘ NGOẠI GIAO

Số : 119 /2004 /LPQT

SAO Y BẢN CHÍNH

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2004

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
KT. Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế
Phó Vụ trưởng



Nguyễn Hoàng Anh

Nơi nhận :

- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo),
- Văn phòng Chủ tịch nước (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo),
- Bộ Tài chính,
- Bộ Y tế,
- Bộ Tài nguyên – Môi trường,
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,
- Bộ Giao thông – Vận tải,
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,
- Uỷ ban nhân dân tỉnh Trà Vinh,
- Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Liên bang Đức,
- Vụ Châu Âu 2, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Tổng hợp kinh tế, Bộ Ngoại giao,
- Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao,
- Lưu trữ, Bộ Ngoại giao.

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về Hợp tác tài chính năm 2003 có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2004.